

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Ký bởi: ỦY BAN  
NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH  
HÒA  
Email:  
ubnd@khanhhoa.  
ov.vn  
Cơ quan: ỦY  
BAN NHÂN  
DÂN TỈNH  
KHÁNH HÒA  
Ngày ký: 15-08-  
2024 16:22:48  
+07:00

Số: 16 /2024/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp**  
**tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp**  
**tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 911/TTr-SKHCN ngày 23 tháng 5 năm 2024; Công văn số 1131/SKHCN-QLKH ngày 20 tháng 6 năm 2024; Công văn số 1412/SKHCN-QLKH ngày 29 tháng 7 năm 2024 giải trình, làm rõ một số nội dung của dự thảo Quyết định ban hành “Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT. Tỉnh ủy/TT.HĐND/TT.UBND;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, CNG, NN.      76

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hữu Hoàng**

## QUY ĐỊNH

**Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2024/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh) dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài), dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án), đề án khoa học (sau đây gọi tắt là đề án).

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, hỗ trợ không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

##### 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 29 Luật khoa học và công nghệ năm 2013.

2. *Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức, cá nhân

nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30 Luật khoa học và công nghệ năm 2013.

3. *Văn bản điện tử* là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

4. *Phương thức họp trực tuyến của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp* là phương thức họp thông qua giải pháp công nghệ hỗ trợ các thành viên hội đồng và các đại biểu tham dự ở những địa điểm, vị trí địa lý khác nhau có thể thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

#### **Mục 1**

#### **NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**Điều 3. Nguyên tắc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời gửi văn bản kết quả tuyển chọn cho các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn biết;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập.

Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 12 của Quy định này;

c) Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn, ý kiến tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong

trường hợp cần thiết, trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

2. Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày để tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn lần 2 trong khoảng thời gian không quá 06 tháng tính từ ngày bắt đầu thông báo tuyển chọn lần 1 trong các trường hợp sau:

- a) Khi hết thời gian thông báo tuyển chọn mà không có hồ sơ đăng ký tuyển chọn;
- b) Các hồ sơ không hợp lệ khi tiến hành mở, kiểm tra hồ sơ;
- c) Các hồ sơ bị hủy kết quả tuyển chọn theo quy định tại điểm a, b, d và d khoản 1 và điểm a, b và d khoản 2 Điều 17 của Quy định này;
- d) Trường hợp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### **Điều 4. Điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, có hoạt động phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chưa thực hiện báo cáo ứng dụng kết

quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;

c) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

d) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã ký;

đ) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong thời gian một (01) năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và hoạt động trong lĩnh vực này trong ba (03) năm gần nhất, tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

c) Có đủ khả năng và bảo đảm thời gian để tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Thuộc tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

đ) Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b và c khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn đang làm chủ nhiệm khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

## **Mục 2**

### **HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

#### **Điều 5. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

Tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hướng dẫn và các Biểu mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, bao gồm:

1. Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức theo quy định của pháp luật (Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức chủ trì hoặc Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý khác).
2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Biểu B1-1-ĐƠN).
3. Thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH); thuyết minh dự án (Biểu B1-2c-TMDA); thuyết minh đề án khoa học (Biểu B1-2d-TMĐA).
4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Biểu B1-3-LLTC).
5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN).
6. Lý lịch khoa học của thành viên chính, thư ký khoa học (Biểu B1-4-LLCN). Tài liệu này phải có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự trong trường hợp hồ sơ được Hội đồng tư vấn tuyển chọn kiến nghị trúng tuyển và nộp theo quy định tại khoản 12 Điều 11 Quy định này.
7. Lý lịch khoa học chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (trong trường hợp có chuyên gia tham gia thực hiện).
8. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ và văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

nghe cấp tỉnh (trong trường hợp có tổ chức tham gia phối hợp thực hiện) (Biểu B1-5-PHNC và Biểu B1-6- LLTCPHNC).

9. Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong 02 năm gần nhất của tổ chức tham gia góp vốn.

10. Đối với các nhiệm vụ có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có phương án huy động vốn đối ứng tương ứng với từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

11. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh còn hiệu lực (thời gian báo giá không quá 90 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Tài liệu này chỉ nộp trong trường hợp hồ sơ được Hội đồng tư vấn tuyển chọn kiến nghị trúng tuyển theo quy định tại khoản 12 Điều 11 Quy định này.

12. Tài liệu liên quan khác trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp.

13. Tài liệu, văn bản quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này chỉ áp dụng cho các nhiệm vụ có yêu cầu vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước.

14. Các tài liệu quy định tại Điều này là bản gốc hoặc bản sao y hoặc bản sao có chứng thực theo quy định hiện hành.

## **Điều 6. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

### **1. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn**

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: hồ sơ gồm 01 bản gốc sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu



chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, màu đen và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu) ghi trên USB. Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp;

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ;

## 2. Ngày nhận hồ sơ

Ngày nhận hồ sơ được xác định là ngày ghi dấu của Bưu điện Nha Trang trường hợp gửi qua đường bưu điện hoặc dấu công văn đến của Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa trường hợp gửi trực tiếp.

3. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp.

Việc thay hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định. Các tài liệu bổ sung sau thời hạn nộp hồ sơ theo quy định không là bộ phận cấu thành của hồ sơ, trừ tài liệu quy định tại khoản 6 và khoản 11 Điều 5 Quy định này.

## **Điều 7. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan mở, kiểm tra hiện trạng của hồ sơ; rà soát, kiểm tra các thông tin liên quan đến quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo Biểu B2-1-BBHS tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

3. Trên cơ sở rà soát hồ sơ đăng ký, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện biên bản mở hồ sơ.

4. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này và các quy định có liên quan khác. Đối với các hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo

bằng văn bản cho các tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

### Mục 3

## HỘI ĐỒNG TƯ VẤN VÀ TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

**Điều 8. Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và Tổ chuyên gia**

1. Hội đồng tư vấn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập:

a) Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên là các ủy viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học, 02 thành viên làm ủy viên phản biện và các thành viên khác;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên của Hội đồng tư vấn là các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp trong lĩnh vực nghiên cứu, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, đại diện doanh nghiệp hoặc nhà kinh doanh có ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đăng ký tham gia tuyển chọn.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được tham gia Hội đồng tư vấn:

a) Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

c) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Có căn cứ rõ ràng về việc không vô tư, không khách quan khi tham gia hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

đ) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học và thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

e) Cá nhân chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

3. Các ủy viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và

công nghệ cấp tỉnh được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đối với các nhiệm vụ tương ứng.

4. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập.

Tổ thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện Sở Tài chính; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn; 01 thành viên là đại diện Lãnh đạo của phòng Quản lý Khoa học và 01 thành viên là Kế toán trưởng của Sở Khoa học và Công nghệ làm Thư ký Tổ thẩm định.

5. Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại Điều 10, 11, 12, 13 và Điều 14 Quy định này và có 02 thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định.

6. Đối với dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ chuyên gia kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực, tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Tổ chuyên gia). Thành phần Tổ chuyên gia bao gồm: đại diện Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là Tổ trưởng; đại diện Sở Tài chính; đại diện Lãnh đạo của phòng Quản lý Khoa học; Kế toán trưởng của Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện Hội đồng tư vấn. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản theo Biểu B2-9-BBKQKT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và cung cấp cho các thành viên tại phiên làm việc của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định.

7. Đối với đề tài, trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ chuyên gia kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều này. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản theo Biểu B2-9-BBKQKT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và cung cấp cho các thành viên tại phiên làm việc của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định.

8. Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia khác với quy định tại khoản 1, 4, 6 và 7 Điều này.

**Điều 9. Chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn và Tổ**

## **thẩm định**

### 1. Thư ký hành chính có trách nhiệm:

Chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng tư vấn và thành viên Tổ thẩm định hoặc chuyên gia (nếu có) ít nhất 07 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và 03 ngày làm việc trước phiên họp thẩm định kinh phí.

### 2. Tài liệu phục vụ phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn;
- b) Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn;
- d) Phiếu nhận xét nhiệm vụ theo các Biểu mẫu của Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này (đề tài: Biểu B2-2a-NXĐTCN hoặc Biểu B2-2b-NXĐTXH/NXĐA; dự án: Biểu B2-2c-NXDA; đề án: Biểu B2-2b-NXĐTXH/NXĐA);
- đ) Ý kiến giải trình của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ đối với các câu hỏi của các thành viên Hội đồng tư vấn (nếu có);
- e) Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (nếu có) theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8 Quy định này.

### 3. Tài liệu phục vụ phiên họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí;
- b) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn;
- c) Bản giải trình của tổ chức chủ trì về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-8-GTHĐ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ, tài liệu bổ sung (nếu có);
- d) Biên bản họp Hội đồng tư vấn;
- đ) Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức

đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có);

e) Lý lịch khoa học các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN);

g) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ còn hiệu lực (thời gian báo giá không quá 90 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

h) Các tài liệu khác có liên quan.

4. Đối với trường hợp hợp trực tuyến hoặc hợp trực tiếp kết hợp với trực tuyến các tài liệu được nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được thư ký hành chính gửi cho các thành viên Hội đồng tư vấn và thành viên Tổ thẩm định hoặc chuyên gia (nếu có) theo khoản 1 Điều này.

#### **Điều 10. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn**

1. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

- a) Phương thức hợp trực tiếp;
- b) Phương thức hợp trực tuyến;
- c) Phương thức hợp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Phải có sự tham gia ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng tư vấn, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và phải có mặt ít nhất 01 ủy viên phản biện;

b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn chủ trì các phiên họp Hội đồng tư vấn. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng tư vấn vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp (Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-7-GUQ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này).

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn. Các thành viên Hội đồng tư vấn, đại biểu tham gia và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét, đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và luận giải cho việc

nhận xét, đánh giá;

c) Gửi câu hỏi đối với hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có) cho Sở Khoa học và Công nghệ ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn theo Biểu B2-10-CHHĐTV tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

### **Điều 11. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn**

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, giới thiệu thành phần Hội đồng tư vấn và các đại biểu tham dự, biên bản mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó chủ tịch Hội đồng được ủy quyền trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Hội đồng tư vấn trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký khoa học của Hội đồng tư vấn.

4. Đại diện Tổ chuyên gia công bố Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn tiến hành đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn:

a) Các ủy viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá từng hồ sơ theo quy định tại biểu mẫu; nhận xét về sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ; đề xuất những nội dung trong thuyết minh cần sửa đổi và bổ sung; so sánh giữa các hồ sơ đăng ký trong cùng nhiệm vụ;

b) Thư ký khoa học đọc Phiếu nhận xét của ủy viên vắng mặt (nếu có);

c) Hội đồng tư vấn thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá quy định tại Điều 12 Quy định này;

d) Các ủy viên Hội đồng tư vấn bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo hình thức bỏ phiếu. Phiếu đánh giá có điểm chênh lệch quá 20% so với điểm trung bình của tất cả thành viên là phiếu không hợp lệ. Phiếu đánh giá chấm điểm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này (đề tài: Biểu B2-3a-ĐGDTCN hoặc Biểu B2-3b-ĐGDTEXH/ĐGDĐA; dự án: Biểu B2-3c-ĐGDĐA; đề án: Biểu B2-3b-ĐGDTEXH/ĐGDĐA);

đ) Hội đồng tư vấn bầu ban kiểm phiếu gồm 03 ủy viên của Hội đồng tư vấn, trong đó có Trưởng ban kiểm phiếu và 02 ủy viên.

6. Thư ký hành chính của Hội đồng tư vấn giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-4-KPĐG tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình phiếu hợp lệ từ cao xuống thấp theo Biểu 2-5-THKP tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

7. Ban kiểm phiếu công bố kết quả chấm điểm đánh giá sau khi xem xét, loại bỏ phiếu không hợp lệ. Trường hợp hồ sơ của tổ chức chủ trì là tổ chức đề xuất nhiệm vụ có điểm trung bình đạt từ 70/100 điểm, tổng điểm của hồ sơ được cộng thêm 10% (mười phần trăm) điểm trung bình của hồ sơ đó.

8. Hội đồng tư vấn kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/4 số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt cho điểm không (0 điểm);

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên theo thứ tự như sau:

- Ưu tiên hồ sơ có số kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước ít hơn;

- Ưu tiên chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì đã có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá xếp loại xuất sắc trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm đăng ký thực hiện nhiệm vụ;

- Đối với các hồ sơ có điểm ưu tiên trên như nhau thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về nội dung và phương án triển khai của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cao hơn.

9. Hội đồng tư vấn kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển:

a) Nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu đặt hàng;

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng

phần.

10. Thư ký khoa học lập và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-6-BBHD tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

11. Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản họp.

12. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trúng tuyển có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tư vấn, Bản giải trình của tổ chức chủ trì về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-8-GTHD tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này, các tài liệu quy định tại khoản 6 và khoản 11 Điều 5 Quy định này và các tài liệu liên quan khác.

**Điều 12. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

Hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

b) Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (tối đa 24 điểm);

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm);

d) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống (tối đa 16 điểm);

đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 16 điểm);

e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 điểm);

d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 20 điểm);

đ) Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài, đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (tối đa 24 điểm);



e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 20 điểm).

3. Đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

4. Dự án:

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);

b) Nội dung và phương án triển khai (tối đa 20 điểm);

c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (tối đa 12 điểm);

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (tối đa 12 điểm);

đ) Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm);

e) Phương án tài chính (tối đa 16 điểm);

g) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

### **Điều 13. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định**

1. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 12 Điều 11 Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Tổ thẩm định.

b) Phải có mặt ít nhất 4/5 thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của Hội đồng.

c) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp. Trong trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

d) Có kết luận tập thể về nội dung thẩm định. Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định được bảo lưu và ghi rõ trong Biên bản.

2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Rà soát lại nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng tư vấn và nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

b) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với:

- Các nội dung nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng tư vấn và các nội dung chỉnh sửa khác (nếu có);

- Thời gian cần thiết để thực hiện;

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành;

- Thuyết minh chi tiết về các nội dung công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi.

c) Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước và phương án huy động của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có); các hồ sơ tài liệu phải bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu cần thiết).

d) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

### 3. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định, đại biểu (nếu có) và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

b) Tổ thẩm định báo cáo bằng văn bản với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ để xem xét, quyết định.

### **Điều 14. Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định**

1. Thư ký hành chính công bố Quyết định thành lập Tổ thẩm định, giới thiệu thành phần Tổ thẩm định và các đại biểu tham dự, đọc kết luận của Hội đồng tư vấn tại phiên họp Hội đồng tuyển chọn đánh giá hồ sơ.

2. Chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí nêu nguyên tắc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định, những yêu cầu và nội dung của việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ.

3. Đại diện tổ chức chủ trì trình bày về những nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn và những nội dung sửa đổi, bổ sung khác (nếu có); trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Tổ thẩm định.

4. Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ so với kết luận của Hội đồng tư vấn.

5. Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định.

6. Trước khi Tổ thẩm định có ý kiến kết luận, đại diện tổ chức chủ trì được mời tiếp tục tham dự cuộc họp của Tổ thẩm định để nghe thông báo về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Đại diện Tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức.

7. Thư ký Tổ thẩm định giúp Tổ thẩm định hoàn thiện Biên bản thẩm định theo các biểu mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này (đề tài/đề án: Biểu B3-1a-BBTĐĐT/ĐA, Biểu B3-2a-PLBBTĐĐT/ĐA; dự án: Biểu B3-1b-BBTĐDA, Biểu B3-2b-PLBBTĐDA).

#### **Mục 4**

### **PHÊ DUYỆT, LƯU GIỮ VÀ HỦY KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**Điều 15. Phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí hoặc nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Tổ thẩm định, giải trình chi tiết kết luận của Tổ thẩm định (Biểu B3-3-GTTĐKP) và nộp về cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến của chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phiếu nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn;

b) Biên bản họp Hội đồng tư vấn, Biên bản họp Tổ thẩm định, ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có);

c) Báo cáo giải trình của tổ chức chủ trì đối với các ý kiến của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định;

d) Hồ sơ nhiệm vụ đã được chỉnh sửa theo kết luận của Tổ thẩm định; Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia (nếu có);

đ) Dự thảo Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Biểu B3-4-QĐPDKP tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

### 3. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai nghiên cứu và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu (không quá 03 tháng).

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 18 và Điều 20 Quy định này trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Điều 16. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và công khai thông tin**

1. Sau khi kết thúc quá trình tuyển chọn, thư ký hành chính của các phiên họp có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu giữ và quản lý theo quy định hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công khai thông tin về kết quả tuyển chọn nhiệm vụ (trừ các nhiệm vụ có nội dung chứa bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định) theo quy định cụ thể như sau:

a) Nội dung công khai: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ;

b) Phương thức công khai: trong thời hạn 15 ngày kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 17. Hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Trong quá trình tuyển chọn, Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh không thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 11 Quy định này;

đ) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh không thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này.

2. Kể từ ngày Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền hủy bỏ quyết định trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức chủ trì đề nghị không thực hiện nhiệm vụ hoặc đề xuất thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn 07 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tới tổ chức chủ trì:

a) Hủy kết quả tham gia tuyển chọn đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Hủy kết quả hợp Hội đồng tư vấn đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Hủy kết quả thẩm định kinh phí đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

d) Hủy Quyết định phê duyệt kinh phí nhiệm vụ đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ bị hủy kết quả tuyển chọn phải chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương III CHUYÊN GIA TƯ VẤN ĐỘC LẬP**

#### **Điều 18. Chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không phải là thành viên Hội đồng tư vấn; không thuộc tổ chức chủ trì; không phải là người tham gia thực hiện nhiệm vụ; không là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học và thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ; không phải là người đã bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt hoặc bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc bị cấm làm công việc nhất định liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ mà chưa được xóa án tích; có căn cứ rõ ràng về việc không vô tư, khách quan khi đưa ra ý kiến tư vấn;

b) Là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý nhiệm vụ yêu cầu thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp về nội dung, mục tiêu nghiên cứu, kết quả cần phải đạt được và số nhân lực, thời gian thực hiện các công việc theo từng nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và đánh giá năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Hoàn thành báo cáo tư vấn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

yêu cầu; giữ bí mật các thông tin đánh giá và gửi trực tiếp báo cáo tư vấn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ trong phong bì có niêm phong.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập, cam kết không tiếp xúc hoặc trao đổi thông tin về nhiệm vụ được mời tư vấn với tổ chức chủ trì, tổ chức phối hợp hoặc các cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trường hợp vi phạm sẽ bị hủy bỏ kết quả tư vấn và xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến của ít nhất 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong trường hợp cần thiết.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi tới chuyên gia tư vấn độc lập:

a) Công văn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

3. Trên cơ sở ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **Chương IV**

### **QUY ĐỊNH GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**Điều 21. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Nguyên tắc, điều kiện tham gia xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Nguyên tắc giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này;

b) Thông báo giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký giao trực tiếp phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và

công nghệ cấp tỉnh

a) Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện quy định tại Điều 5 Quy định này;

b) Việc nộp hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này;

c) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện theo quy định Điều 7 Quy định này.

3. Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Việc thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và Tổ chuyên gia (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này;

b) Việc chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này;

c) Phương thức làm việc, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy định này. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định này;

d) Tổ thẩm định kinh phí làm việc theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Quy định này.

4. Việc phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

5. Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc, công khai thông tin, hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Quy định này.

**Điều 22. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước**

1. Điều kiện, hồ sơ tham gia xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước:

a) Tổ chức tham gia xét giao trực tiếp phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 Quy định này và các yêu cầu sau:

- Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-9-CKTCCT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này;



- Chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và các bản sao phục vụ các phiên họp Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cá nhân được giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 Quy định này và các yêu cầu sau:

- Là người chỉ có một quốc tịch Việt Nam;

- Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

c) Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Đối với cá nhân là người Việt Nam phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-8-CKTVNV tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này;

- Đối với cá nhân là người nước ngoài, ngoài việc cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, tổ chức chủ trì phải báo cáo và có sự chấp thuận của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì. Trong báo cáo phải thể hiện rõ nội dung chuyên môn và thời gian cá nhân đó tham gia;

d) Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ trong 30 ngày để chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

đ) Hồ sơ xét giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước phải được chuẩn bị theo quy định tại Điều 5 Quy định này và có đầy đủ cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này.

2. Nộp hồ sơ và mở hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước

a) Hồ sơ được nộp trực tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Quy định này.

b) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 7 Quy định này.

3. Quy định bảo vệ bí mật nhà nước đối với hoạt động của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia, chuyên gia tư vấn độc lập do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chuyên gia tham gia các loại hình Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia và chuyên gia tư vấn độc lập phải đáp ứng đầy đủ tiêu chí theo các quy định hiện hành và thực hiện yêu cầu sau:

- Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này;

- Ký nhận tài liệu phục vụ các phiên họp liên quan và tự bảo quản tài liệu theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy định này. Khi kết thúc nhiệm vụ tư vấn, thẩm định, có trách nhiệm bàn giao lại tài liệu theo quy định hiện hành.

4. Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước

a) Trình tự thành lập Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

b) Chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 9 Quy định này.

c) Hội đồng tư vấn làm việc theo phương thức họp trực tiếp và theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 và Điều 11 Quy định này. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định này. Việc gửi, lưu giữ các phiếu nhận xét, phiếu đánh giá và các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng tư vấn được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

d) Tổ thẩm định kinh phí làm việc theo phương thức họp trực tiếp và thực hiện theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước hiện hành. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm, trình tự và nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Quy định này. Việc gửi, lưu giữ các tài liệu phục vụ phiên họp Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước

Trình tự phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước thực hiện theo

quy định tại Điều 15 Quy định này.

6. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước

a) Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23. Quy định chuyển tiếp**

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã đăng thông báo tuyển chọn hoặc đã có công văn gửi tổ chức, cá nhân xét giao trực tiếp chuẩn bị hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực vẫn áp dụng theo quy định tại Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

### **Điều 24. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đòi hỏi phải thực hiện cấp bách để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội hoặc thiên tai, dịch bệnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc rút ngắn thời gian thực hiện các bước theo trình tự tại Quy định này để đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai nhiệm vụ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có quy định khác tại Văn bản Quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn thì thực hiện theo quy định tại Văn bản đó. Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời báo cáo, tham mưu điều chỉnh Quy định này.

Trường hợp có vấn đề mới phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và

Công nghệ để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ  
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi: .....

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a) .....  
.....  
.....

*(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN)*

b) .....  
.....  
.....

*(Họ và tên, học vị, chức vụ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)*

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...):

.....  
.....  
Thuộc lĩnh vực KH&CN:

Thuộc Chương trình KH&CN/dự án KH&CN/Độc lập:

.....  
.....  
Mã số của Chương trình: .....

**Hồ sơ gồm có:**

1. Thuyết minh đề tài theo Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH; dự án SXTN theo Biểu B1-2c-TMDA; đề án theo Biểu B1-2d-TMĐA
2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì theo Biểu B1-3-LLTC;
3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm<sup>1</sup> và....<sup>2</sup> thành viên chính thực hiện chính theo Biểu B1-4-LLCN;
4. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài theo Biểu B1-4-LLCN), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia);

<sup>1</sup> Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm nhiệm vụ phải có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự

<sup>2</sup> Ghi số người đăng ký *tham gia chính* thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo Biểu B1-5-PHCN (nếu có);

6. Các tài liệu khác (theo hướng dẫn tại Điều 5 Quyết định để kê khai).

Chúng tôi xin cam kết:

- Những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là chính xác, đúng sự thật;

- Tổ chức đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không vi phạm một trong những điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để thực hiện nhiệm vụ này.

Nếu phát hiện vi phạm những nội dung nêu trên, chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC**  
**ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

**THUYẾT MINH  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG  
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH<sup>1</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

**1. Tên đề tài**

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

**2. Thời gian thực hiện:**.....tháng

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

**3. Cấp quản lý:**Tỉnh

**4. Tổng kinh phí thực hiện:** ..... triệu đồng, trong đó:

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

**5. Đề nghị phương thức khoán chi:**

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán: .....triệu đồng
	- Kinh phí không khoán: .....triệu đồng

**6. Loại đề tài:**

Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số:

Dự án KH&CN

Độc lập

Khác

**7. Lĩnh vực:**

Tự nhiên;

Nông nghiệp;

Kỹ thuật và công nghệ;

Y, dược.

**8. Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

<sup>1</sup>Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>: .....Chức vụ.....

Điện thoại: .....E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

### 9. Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp: .....Chức vụ.....

Điện thoại: .....E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

### 10. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng: .....

### 11. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tên tổ chức 1 : .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản .....

<sup>2</sup>Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.



**2. Tên tổ chức 2 :** .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản .....

## 12. Thành viên thực hiện đề tài

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài <sup>3</sup>	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề tài	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

### 13. Mục tiêu của đề tài *(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....  
 .....  
 .....

### 14. Tình trạng của đề tài

- Mới                       Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  
 Kế tiếp nghiên cứu của người khác

### 15. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

#### 15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

*Ngoài nước (Phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)*

<sup>3</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề tài, thư ký khoa học và các thành viên chính.

.....

.....

**Trong nước** (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các thành viên tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

.....

### **15.2 Luận giải về những nội dung cần nghiên cứu của đề tài**

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải về việc cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài, luận giải về những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu. Nêu tổng quan về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để thực hiện đề tài.)

.....

.....

### **16. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan**

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu tài liệu đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

### **17. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện**

(Liệt kê và mô tả chi tiết:

- Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu của đề tài. Những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu nêu trên;

- Chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có;

- Nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 20)

**Nội dung 1 :** .....

Công việc 1.1: .....

Công việc 1.2: .....

.....

**Nội dung 2:** .....

Công việc 2.1: .....

Công việc 2.2: .....

.....

**Nội dung 3 :** .....

Công việc 3.1: .....

Công việc 3.2: .....

.....

## **18. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

.....  
 .....  
 .....

## **19. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

.....  
 .....

## **20. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)**

### **20.1. Thuê chuyên gia trong nước**

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)

1					
2					
....					

## 20.2. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

## 21. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
	.....				
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
	.....				
...	<b>Nội dung n</b>				
	- Công việc n.1				

	- Công việc n.2				
	.....				

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 20

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

#### 22. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

**Dạng III:** Mẫu (*model, maket*); Sản phẩm (*là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường*); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác.

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

**Dạng IV: Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Yêu cầu khoa học cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

**22.1. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học**

<b>TT</b>	<b>Cấp đào tạo</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Chuyên ngành đào tạo</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

**22.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)**

.....

.....

**22.3. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng III) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)**

.....

.....

.....

**23. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu****23.1. Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường)**

.....

.....

.....

**23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)**

.....

.....

.....

**23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm**

#### **23.4. Mô tả phương thức chuyển giao**

*(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)*

#### **24. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài**

#### **25. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

##### **25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

*(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*

##### **25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**

##### **25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

*(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*

**26. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn**

nhà nước)

**26.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)

.....  
 .....

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

.....  
 .....

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

**26.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....  
 .....



## V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

27 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Chi thù lao thực hiện đề tài + chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước:						
	a. Kinh phí khoán chi:						
	b. Kinh phí không khoán chi:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài**

(Chữ ký, họ và tên)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề tài**

(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>3</sup>**

(Chữ ký, họ và tên, đóng dấu)

<sup>3</sup> Chữ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

*Đơn vị: triệu đồng*

Số T T	Nội dung các khoản chi <sup>8</sup>	Tổng kinh phí	Nguồn vốn <sup>9</sup>												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	<b>Chi thù lao thực hiện đề tài</b>														
2	<b>Thuê chuyên gia</b> - Trong nước - Nước ngoài														
3	<b>Nguyên,vật liệu, năng lượng</b>														
4	<b>Thiết bị, máy móc</b>														
5	<b>Xây dựng, sửa chữa nhỏ</b>														
6	<b>Chi khác</b>														
	<b>Tổng cộng</b>														

<sup>8</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

<sup>9</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài

#### TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu				
<b>Cộng:</b>					

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề tài	Nguồn vốn <sup>10</sup>								
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xây dựng thuyết minh đề tài	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng													
	Thù lao của chủ nhiệm đề tài <sup>11</sup> : ( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	1	1	32	7,2 (=20%*36)	244,80									
	Thù lao của thư ký khoa học: ( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	0,3	1	32	7,2 (=20% x 36)	69,12									
II	Nội dung nghiên cứu														
1	Nội dung 1: ... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện														
1.1	Công việc 1.1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 11 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04														

<sup>10</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.<sup>11</sup> Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKH-CN và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 32 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 25,6 triệu đồng/tháng.







### Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>12</sup>												
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>I</b>	<b>Nội dung 1</b>																	
	<i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>																	
	Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính.																	
<b>I.1</b>	<b>Công việc 1.1</b>																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
1.2	...																	
...	...																	

<sup>12</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt





Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>12</sup>													
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước					
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định						
<b>II</b>	<b>Nội dung 2</b>																		
<b>II.1</b>	<b>Công việc 2.1</b>																		
1	Nguyên, vật liệu																		
1.1	...																		
...	...																		
4	Nước	m <sup>3</sup>																	
...	...																		
<b>Cộng</b>																			

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại mục g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

**Khoản 4. Thiết bị, máy móc***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
					Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước					
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài <sup>13</sup>												
	.....												
	.....												
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến												
	.....												
III	Khấu hao thiết bị <sup>14</sup>												
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)												
	.....												
IV	Thiết bị công nghệ mua mới												
	.....												
V	Vận chuyển lắp đặt												
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa												
<b>Cộng</b>													

<sup>13</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.<sup>14</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

**Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung <sup>15</sup>	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước										
4	Chi phí khác										
	<b>Cộng:</b>										

<sup>15</sup>Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí





**THUYẾT MINH<sup>1</sup>**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI****1. Tên đề tài**

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

**2. Loại đề tài:**

Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số:

Độc lập

Khác

**3. Thời gian thực hiện:.....tháng**

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

**4. Cấp quản lý: Tỉnh** **5. Tổng kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:**

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

**6. Đề nghị phương thức khoán chi:**

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán: ..... triệu đồng
	- Kinh phí không khoán: ..... triệu đồng

**7. Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp<sup>3</sup>: ..... Chức vụ:.....

Điện thoại: ..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

<sup>3</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Địa chỉ tổ chức:.....

### 8. Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp: .....Chức vụ.....

Điện thoại: .....E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

### 9. Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng: .....

### 10. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tên tổ chức 1 : .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản: .....

2. Tên tổ chức 2 : .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản: .....



## 11. Thành viên thực hiện đề tài

(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề tài <sup>4</sup>	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề tài	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

### 12. Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)

.....

.....

.....

### 13. Tình trạng của đề tài

- Mới                       Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
- Kế tiếp nghiên cứu của người khác

### 14. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

#### 14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

.....

#### 14.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

.....

.....

<sup>4</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề tài, thư ký khoa học và các thành viên chính.

**15. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

*(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn)*

.....  
 .....

**16. Nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)*

**Nội dung 1 :** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**Nội dung 2:** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**Nội dung 3 :** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*

- Suu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)

- .....

**18. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

**Cách tiếp cận:**

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

.....

.....

**19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

**20. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

.....

.....

.....

**21. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)****21.1. Thuê chuyên gia trong nước**

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

**21.2. Thuê chuyên gia trong nước**

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						

....						
------	--	--	--	--	--	--

## 22. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
	.....				
2	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
	.....				
...	<b>Nội dung n</b>				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
	.....				

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21

## III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

### 23. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				

**Dạng II:** Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

## 24. Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

### 24.1. Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....  
 .....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....  
 .....

### 24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....  
 .....

**25. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

**25.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án b, c, d hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

**25.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)**

.....  
 .....

#### **IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

<b>26</b>	<b>Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi</b>		
	<b>Nguồn kinh phí</b>		<b>Trong đó</b>

		Tổng số	Thù lao thực hiện đề tài+ chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: b. Kinh phí không khoán chi:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>3</sup>**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>3</sup> Chữ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

## Phụ lục-TMĐT

## DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số T T	Nội dung các khoản chi <sup>3</sup>	Tổng kinh phí	Nguồn vốn <sup>4</sup>												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Chi thù lao thực hiện đề tài														
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài														
3	Nguyên,vật liệu, năng lượng														
4	Thiết bị, máy móc														
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ														
6	Chi khác														
	<b>Tổng cộng</b>														

<sup>3</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...<sup>4</sup> Chi kê khai chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt



## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

## Khoản 1. Thù lao tham gia thực hiện đề tài

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu				
<b>Cộng:</b>					

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề tài	Nguồn vốn <sup>5</sup>								
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xây dựng thuyết minh đề tài	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng													
	Thù lao của chủ nhiệm đề tài <sup>6</sup> : ( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	1	1	32	7,2 (=20%*36)	244,80									
	Thù lao của thư ký khoa học: ( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	0,3	1	32	7,2 (=20% x 36)	69,12									
II	Nội dung nghiên cứu														
1	Nội dung 1: ... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện														
1.1	Công việc 1.1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 11 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04														

<sup>5</sup> Chi dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.<sup>6</sup> Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKHCN và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 32 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 25,6 triệu đồng/tháng.







## Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>7</sup>												
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>I</b>	<b>Nội dung 1</b>																	
	<i>Vật tư, nguyên vật liệu dùng chung</i>																	
	Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính.																	
<b>1.1</b>	<b>Công việc 1</b>																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
...	...																	
2	<i>Năng lượng, nhiên liệu</i>																	

<sup>7</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt



Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>7</sup>												
						Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước						
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
...	...																	
4	Nước	m <sup>3</sup>																
<b>Cộng</b>																		

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.



## Khoản 4. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài <sup>8</sup>												
	.....												
	.....												
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến												
	.....												
III	Khấu hao thiết bị <sup>9</sup>												
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)												
	.....												
IV	Thiết bị công nghệ mua mới												
	.....												
V	Vận chuyển lắp đặt												
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa												
<b>Cộng</b>													

<sup>8</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.<sup>9</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

**Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung <sup>10</sup>	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước										
4	Chi phí khác										
	<b>Cộng:</b>										

<sup>10</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết được báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí





**THUYẾT MINH<sup>1</sup>**  
**DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án**

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

**2. Thời gian thực hiện:.....tháng**

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

**3. Cấp quản lý: Tỉnh**

**4. Loại dự án:**

- Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số:  
 Dự án KH&CN  
 Độc lập  
 Khác

**5. Tổng vốn thực hiện dự án: ..... triệu đồng, trong đó:**

<b>Nguồn</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

**6. Đề nghị phương thức khoán chi:**

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán: .....triệu đồng
	- Kinh phí không khoán: .....triệu đồng

**7. Chủ nhiệm dự án**

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>: .....Chức vụ.....

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Điện thoại: .....E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

### 8. Thư ký khoa học của dự án

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp: .....Chức vụ.....

Điện thoại: .....E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

### 9. Tổ chức chủ trì dự án

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng: .....

### 10. Tổ chức tham gia chính (nếu có)

**10.1. Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:**.....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản .....

**10.2. Tên tổ chức khác :** .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản .....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: .....

### 11. Thành viên thực hiện dự án

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của dự án thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện dự án <sup>3</sup>	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề tài	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	

### 12. Xuất xứ của dự án

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

.....  
 .....  
 .....

### 13. Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

**13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án** (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

<sup>3</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; Chỉ liệt kê chủ nhiệm dự án, thư ký khoa học, thành viên chính.

.....

.....

**13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án**

(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....

.....

.....

.....

.....

**13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh**

(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo quốc phòng, an ninh...).

.....

.....

.....

.....

.....

**13.4. Năng lực thực hiện dự án**

(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).

.....

.....

.....

**13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án**

(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh...).

.....



## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

### 14. Mục tiêu

**14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất<sup>4</sup> hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);**

.....  
.....  
.....

**14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)**

.....  
.....  
.....

### 15. Nội dung

**15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ**

*(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);*

.....  
.....  
.....

<sup>4</sup> Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc

.....  
 .....  
 .....  
**15.3 Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung để giải quyết những vấn đề đặt ra kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 16.1**

**Nội dung 1 :** .....

Công việc 1.1: .....

Công việc 1.2: .....

**Nội dung 2:** .....

Công việc 2.1: .....

Công việc 2.2: .....

**Nội dung 3 :** .....

Công việc 3.1: .....

Công việc 3.2: .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
**15.4 Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật phục vụ thực hiện dự án (Kê khai số lượng và thời gian đào tạo cho cán bộ, công nhân kỹ thuật dự kiến)**

## **16. Phương án triển khai**

### **16.1. Phương án thuê chuyên gia**

#### *a) Thuê chuyên gia trong nước*

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					

....					
------	--	--	--	--	--

**b) Thuê chuyên gia trong nước**

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

**16.2. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện dự án (theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)**

**16.2.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)**

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì dự án (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

**16.2.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện dự án (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)**

.....  
 .....

**16.3 Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:**

**a) Phương thức tổ chức thực hiện:**

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:**

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m<sup>2</sup>), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....

.....

**16.4. Phương án tài chính** (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án;

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

**(Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)**

.....

.....

.....

.....

**16.5. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án** (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....

.....

.....

**17. Tiến độ thực hiện**

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
	.....				
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
	.....				
...	<b>Nội dung n</b>				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
	.....				

### 18. Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....

.....

.....

.....

.....

### 19. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

**19.1. Phương thức triển khai**[Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

.....

.....

.....

**19.2. Quy mô sản xuất**(Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

.....



**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**  
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1.000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
2		3				7
<b>A</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 1
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 2
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
<b>B</b>	<b>Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định</b>					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 2
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 2
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 3, 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

**Ghi chú:**

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).



**Bảng 3. Tổng doanh thu**  
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 4. Tổng doanh thu**  
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án**  
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

**Chú thích :**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;
- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \frac{\quad}{\quad} = \dots \text{ năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn đầu tư}} \times 100 = \frac{\quad}{\quad} \times 100 = \dots \%$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \frac{\quad}{\quad} \times 100 = \dots \%$$

## 20. Hiệu quả kinh tế - xã hội

*(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường...)*

.....

.....

.....

.....

.....

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm dự án**  
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì dự án**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>5</sup>**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>5</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.

## Phụ lục-TMDA

## DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi <sup>6</sup>	Tổng kinh phí	Nguồn vốn <sup>7</sup>												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê														
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê														
3	Chi phí hỗ trợ công nghệ														
a	Chi phí thù lao thực hiện dự án														
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài														
4	Chi phí đào tạo công nghệ														
5	Chi phí lao động														
6	Nguyên vật liệu, năng lượng														
7	Chi khác														
	<b>Tổng cộng</b>														

<sup>6</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...<sup>7</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi dự án được phê duyệt

## Phụ lục 1-TMDA

**NHUCÀUNGUYÊNVẬTLIỆU, NĂNG LƯỢNG**  
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>a</sup>												
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>I</b>	<b>Nội dung 1</b>																	
	Nguyên, vật liệu chủ yếu																	
	Nguyên, vật liệu phụ																	
	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																	
	Điện :	kW/h																

<sup>a</sup>Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi dự án được phê duyệt

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>a</sup>														
						Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước								
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định							
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW																			
	Nước:	m <sup>3</sup>																		
	Xăng dầu:																			
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn																			
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn																			
...	...																			
<b>Cộng</b>																				

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Thiết bị công nghệ</b>				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
	.....				
	.....				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
	.....				
	.....				
<b>II</b>	<b>Thiết bị thử nghiệm, đo lường</b>				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
	.....				
	.....				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
	.....				
<b>III</b>	<b>Khấu hao thiết bị</b>				
<b>Cộng:</b>					



## Phụ lục 3-TMDA

## CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

## Khoản 3a. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông				
<b>Cộng:</b>					



## CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện dự án $7=3 \times 5 \times 6$	Nguồn vốn <sup>9</sup>								
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	<b>Xây dựng thuyết minh dự án</b>	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng													
	<b>Thù lao của chủ nhiệm dự án<sup>10</sup>:</b> ( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	1	1	32	7,2 ( $=20\% \times 36$ )	244,80									
	<b>Thù lao của thư ký khoa học:</b> ( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	0,3	1	32	7,2 ( $=20\% \times 36$ )	69,12									
II	<b>Nội dung nghiên cứu</b>														
1	<b>Nội dung 1:...</b> Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện														
1.1	<b>Công việc 1.1: ...</b> Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 11 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên														

<sup>9</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.<sup>10</sup> Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKH-CN và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 32 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 25,6 triệu đồng/tháng.



Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện dự án	Nguồn vốn <sup>9</sup>								
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước					
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
	<i>Thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi</i>														
	- Thành viên chính	0,8	1	32	1	25,6									
	- Thành viên	0,4	1	32	0,36 (= 8/22)	4,60									
	- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	3	32	1,5	9,6									
	- Lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất tại thời điểm thẩm định kinh phí x số tháng thực hiện quy đổi)		5		2,5										
...															
III	<b>Xây dựng báo cáo tổng kết</b>	Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng													
	<b>TỔNG CỘNG</b>														

**Khoản 3b. Thuê chuyên gia** (dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 16 của thuyết minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
<b>I</b>	<b>Chuyên gia trong nước</b>								
1									
.....									
.....									
<b>II</b>	<b>Chuyên gia nước ngoài</b>								
1									
.....									
.....									

**CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung đào tạo	Chi phí	Nguồn vốn	
			Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Cán bộ công nghệ			
2	Công nhân vận hành			
3	.....			
	<b>Cộng</b>			

## ĐÀU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

## A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
<b>Cộng A:</b>					

## B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung <sup>11</sup>	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Xây dựng nhà xưởng mới										
2	Chi phí sửa chữa cải tạo										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện										
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước										
5	Chi phí khác										
	<b>Cộng:</b>										

<sup>11</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí

## Phụ lục 6-TMDA

**CHIPHÍLAOĐỘNG**

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Tổng số ngày	Tiền công theo ngày <sup>12</sup>	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn								
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6 = 4x5xLcs	7	8	9	10	11	12	13	14	
1														
2														
3														
4														
<b>Cộng:</b>														

## Phụ lục 7-TMDA

<sup>12</sup> Tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo ngày được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Mức tiền tính theo ngày được tính bằng mức lương tháng/22 ngày)

CHI KHÁC<sup>13</sup>

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn													
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước					
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
1	<b>Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; Công tác trong nước</b>														
2	<b>Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)</b>														
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)														
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)														
3	<b>Kinh phí quản lý (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, tối đa không quá 200 triệu đồng)</b>														
4	<b>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ</b>														
	Chi phí kiểm tra nội bộ (định mức chi theo quy định hiện hành)														
	Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả dự án (nếu có);														

<sup>13</sup>Định mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa







## Phụ lục 9-TMDA

## VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

## I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7

## II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	2	3	4	5	6	7	8

## III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Trương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

**THUYẾT MINH<sup>1</sup>  
ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN**

**1. Tên đề án**

- Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

**2. Loại đề án**

Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số:

Độc lập

Khác

**3. Thời gian thực hiện:.....tháng**

(Từ tháng /20... đến tháng /20...)

**4. Cấp quản lý: Tỉnh**

**5. Tổng kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:**

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	

**6. Đề nghị phương thức khoán chi:**

<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán: .....triệu đồng
	- Kinh phí không khoán: .....triệu đồng

**7. Chủ nhiệm đề án**

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>: ..... Chức vụ.....

Điện thoại: ..... E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương

Địa chỉ tổ chức:.....

### 8. Thư ký khoa học của đề án

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam  / Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh nghề nghiệp: .....Chức vụ.....

Điện thoại: .....E-mail:.....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

### 9. Tổ chức chủ trì đề án

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....tại kho bạc Nhà nước.....

Ngân hàng: .....

### 10. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án(nếu có)

1. Tên tổ chức 1 : .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản .....

2. Tên tổ chức 2 : .....

Mã số tổ chức (Mã định danh điện tử của tổ chức (nếu có)):.....

Điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Tên cơ quan chủ quản .....

## 11. Thành viên thực hiện đề án

(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của đề án thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề án. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Chức danh thực hiện đề án <sup>3</sup>	Tổ chức công tác
1		Chủ nhiệm đề án	
2		Thư ký khoa học	
3		Thành viên chính	
...		Thành viên chính	

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 12. Mục tiêu của đề án (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)

.....

.....

.....

### 13. Tình trạng của đề án

- Mới                       Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
- Kế tiếp nghiên cứu của người khác

### 14. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án

#### 14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề án)

.....

.....

#### 14.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án)

.....

.....

<sup>3</sup> Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề án, thư ký khoa học, thành viên chính.

**15. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

*(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những tài liệu đã được trích dẫn)*

.....  
 .....

**16. Nội dung nghiên cứu của đề án:**

*(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)*

**Nội dung 1 :** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**Nội dung 2:** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**Nội dung 3 :** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:**

*(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề án)*

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
- .....

**18. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

**Cách tiếp cận:**

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

.....

### 19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề án)*

### 20. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề án)*

.....

.....

### 21. Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

#### 21.1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

#### 21.2. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						



2						
....						

## 22. Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1.1				
	- Công việc 1.2				
	.....				
2	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 2.1				
	- Công việc 2.2				
	.....				
...	<b>Nội dung n</b>				
	- Công việc n.1				
	- Công việc n.2				
	.....				

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21

## III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

### 23. Sản phẩm KH&CN chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt

(Liệt kê theo dạng sản phẩm)

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				

**Dạng II:** Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Yêu cầu khoa học cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
...			

## **24. Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

### **24.1. Lợi ích của đề án:**

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....  
 .....  
 .....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....  
 .....  
 .....

### **24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....  
 .....  
 .....

**25. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề án**(theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)

**25.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề án (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

## c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

## d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

**25.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề án (tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)**

.....  
 .....

**V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

26 Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ+ chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi b. Kinh phí không khoán chi						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề án**  
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề án**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>4</sup>**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

---

<sup>4</sup>Chỉ ký đóng dấu khi đề án được phê duyệt

## Phụ lục

## DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

Số T T	Nội dung các khoản chi <sup>4</sup>	Tổng kinh phí	Nguồn vốn <sup>5</sup>												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Chi thù lao thực hiện đề án														
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài														
3	Nguyên,vật liệu, năng lượng														
4	Thiết bị, máy móc														
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ														
6	Chi khác														
	<b>Tổng cộng</b>														

<sup>4</sup> Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...<sup>5</sup> Chi dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1. Thù lao theo các chức danh thực hiện đề án

#### TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Số tháng quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề án				
2	Thành viên chính				
3	Thành viên				
4	Thư ký khoa học				
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu				
<b>Cộng:</b>					

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề án	Nguồn vốn <sup>6</sup>								
							Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	<b>Xây dựng thuyết minh đề án</b>	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề án thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng													
	<b>Thù lao của chủ nhiệm đề án<sup>7</sup>:</b> ( $TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	1	1	32	7,2 (=20%*36)	244,80									
	<b>Thù lao của thư ký khoa học:</b> ( $TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$ )	0,3	1	32	7,2 (=20% x 36)	69,12									
II	<b>Nội dung nghiên cứu</b>														
1	<b>Nội dung 1:...</b> Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện														
1.1	<b>Công việc 1.1: ...</b> Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 11 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong														

<sup>6</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

<sup>7</sup> Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 32 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 25,6 triệu đồng/tháng.





Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề án	Nguồn vốn <sup>6</sup>										
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước							
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba			
	- Thành viên chính	0,8	1	32	1	25,6											
	- Thành viên	0,4	1	32	0,36 (= 8/22)	4,60											
	- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	3	32	1,5	9,6											
	- Lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất tại thời điểm thẩm định kinh phí x số tháng thực hiện quy đổi)		5		2,5												
...																	
III	Xây dựng báo cáo tổng kết	Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng															
	<b>TỔNG CỘNG</b>																

**Khoản 2. Thuê chuyên gia** (dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức thù lao tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
<b>I</b>	<b>Chuyên gia trong nước</b>								
1									
.....									
.....									
<b>II</b>	<b>Chuyên gia nước ngoài</b>								
1									
.....									
.....									

**Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng**

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>8</sup>												
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>I</b>	<b>Nội dung 1</b>																	
	<i>Vật tư, nguyên vật liệu chung</i>																	
	Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính.																	
<b>1.1</b>	<b>Công việc 1.1</b>																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
1.2	...																	
...	...																	
2	Năng lượng, nhiên liệu																	
2.1	Than																	
2.2	Điện	kW/h																
2.3	Xăng, dầu																	
2.4	Nhiên liệu khác																	
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																	
3.1	...																	
3.2	...																	
...	...																	
4	Nước	m <sup>3</sup>																

<sup>8</sup> Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn <sup>8</sup>												
						Ngân sách nhà nước						Ngoài ngân sách nhà nước						
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
I.2	Công việc 1.2																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
...	...																	
4	Nước	m <sup>3</sup>																
<b>Cộng</b>																		

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TLT-BKHHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

**Khoản 4. Thiết bị, máy móc***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>I</b>	<b>Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài<sup>9</sup></b>												
	.....												
	.....												
<b>II</b>	<b>Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến</b>												
	.....												
<b>III</b>	<b>Khấu hao thiết bị<sup>10</sup></b>												
<b>VI</b>	<b>Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)</b>												
	.....												
<b>IV</b>	<b>Thiết bị công nghệ mua mới</b>												
	.....												
<b>V</b>	<b>Vận chuyển lắp đặt</b>												
<b>VI</b>	<b>Bảo dưỡng, sửa chữa</b>												
<b>Cộng</b>													

<sup>9</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.<sup>10</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

**Khoản 5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung <sup>11</sup>	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước										
4	Chi phí khác										
	<b>Cộng:</b>										

<sup>11</sup> Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí







**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN<sup>1</sup>  
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ  
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

<b>1. Tên tổ chức:</b> Năm thành lập: Địa chỉ: Website: Điện thoại: E-mail:		
<b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&amp;CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>		
<b>3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức</b>		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Tổng số</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
<b>4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>		
<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</i>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
<b>5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&amp;CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây</b> <i>(Nếu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&amp;CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)</i>		

<sup>1</sup> Trình bày và in trên khổ giấy A4.

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng (*văn bản chứng minh kèm theo*)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
**KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP**  
(*Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu*)

LÝ LỊCH KHOA HỌC  
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN<sup>1</sup>

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ:   
ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ:

<b>1. Họ và tên:</b>			
<b>2. Ngày/tháng/năm sinh:</b>		<b>Nam/Nữ:</b>	
<b>3. Số định danh cá nhân/CCCD:</b>			
<b>4. Học hàm:</b>		<b>Năm được phong học hàm:</b>	
<b>Học vị:</b>		<b>Năm đạt học vị:</b>	
<b>5. Chức danh nghề nghiệp<sup>2</sup>:</b>			
<b>Chức vụ:</b>			
<b>6. Điện thoại:</b>		<b>E-mail:</b>	
<b>7. Địa chỉ:</b>			
<b>8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm/thành viên chính:</b>			
<b>Tên tổ chức:</b>			
<b>Tên người Lãnh đạo:</b>			
<b>Điện thoại :</b>			
<b>Địa chỉ:</b>			
<b>9. Quá trình đào tạo</b>			
<b>Bậc đào tạo</b>	<b>Nơi đào tạo</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Năm tốt nghiệp</b>
Dại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Sau tiến sỹ			
<b>10. Quá trình công tác</b>			
<b>Thời gian</b> (Từ năm ... đến năm...)	<b>Vị trí công tác</b>	<b>Tổ chức công tác</b>	<b>Địa chỉ Tổ chức</b>

<sup>1</sup> Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

<sup>2</sup> Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí, nhà xuất bản)	Năm công bố

**11. Các công trình công bố chủ yếu**  
(liệt kê các công trình tiêu biểu có công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần đây)

TT	Tên, số, nội dung văn bằng bảo hộ	Năm cấp văn bằng

**12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp**  
(liệt kê các văn bằng bảo hộ: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian

**13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn**  
(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

Tên nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

**14. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia**  
(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

<b>Tên nhiệm vụ KH&amp;CN đã tham gia</b>	<b>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</b>	<b>Thuộc Chương trình (nếu có)</b>	<b>Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</b>
<b>15. Giải thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ</b> (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)			
<b>TT</b>	<b>Hình thức và nội dung giải thưởng</b>	<b>Năm tặng thưởng</b>	
<b>16. Thành tựu hoạt động KH&amp;CN và sản xuất kinh doanh khác</b> (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)			

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) NHIỆM VỤ KH&CN<sup>3</sup>**  
(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) NHIỆM VỤ KH&CN**  
(Họ, tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà .... chủ trì (tham gia) thực hiện đề tài, đề án, dự án, dự án KH&CN

<sup>3</sup> Nhà khoa học không thuộc tổ chức nào thì không xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN<sup>1</sup>  
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi: ..... (tên Sở, ngành, địa phương)

**1. Tên nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**

.....  
.....  
.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN

.....  
.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

.....

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

.....

Địa chỉ .....

Điện thoại .....

**4. Nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ KH&CN (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.**

<sup>1</sup> Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Sở hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN.

....., ngày ....tháng .... năm 20.....

**CÁ NHÂN**  
**ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN<sup>1</sup>/SẢN XUẤT  
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

<b>1. Tên tổ chức:</b> Năm thành lập: Địa chỉ: Website: Điện thoại: E-mail:		
<b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&amp;CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>		
<b>3. Tổng số nhân sự</b>		
- Tổng số cán bộ  - Trình độ chuyên môn/Bằng cấp  - Khả năng sản xuất - thi công.		
<b>4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>		
<b>TT</b>	<b>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</b>	<b>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
<b>5. Kinh nghiệm và thành tích trong 05 năm gần nhất liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&amp;CN tuyển chọn/giao trực tiếp</b>		

<sup>1</sup> Trình bày và in trên khổ giấy A4.



(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án, công trình đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nhà xưởng:

- Phương tiện, trang bị máy móc phục vụ nghiên cứu/sản xuất kinh doanh

- Tài sản, vật chất khác:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp:**

- Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KH&CN TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP**  
*(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CAM KẾT**  
**Bảo vệ bí mật nhà nước của cá nhân<sup>1</sup>**

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:....., Số<sup>2</sup>:.....

Quê quán:....., Quốc tịch<sup>3</sup>:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Được phân công<sup>4</sup>:.....

Tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Tôi xin cam kết như sau:

1. Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước mà tôi được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;

2. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

**Xác nhận**  
**của Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực**  
**hiện nhiệm vụ<sup>5</sup>**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Người cam kết**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Áp dụng đối với của chủ nhiệm nhiệm vụ, cá nhân nước ngoài tham gia nhiệm vụ, chuyên gia tham gia Hội đồng, tổ thẩm định, tổ chuyên gia

<sup>2</sup> Ghi số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu nếu là người nước ngoài

<sup>3</sup> Chỉ ghi nếu là người nước ngoài

<sup>4</sup> Mục này ghi như sau:

- Nếu là thành viên Hội đồng/Tổ thẩm định/Tổ chuyên gia tư vấn độc lập, ghi: tham gia Hội đồng/Tổ thẩm định/Tổ chuyên gia tư vấn độc lập theo Quyết định số.../QĐ-SKHON ngày...tháng...năm....;

- Nếu là chủ nhiệm hoặc chuyên gia thực hiện nhiệm vụ ghi: thực hiện nhiệm vụ "Tên nhiệm vụ" với chức danh Chủ nhiệm hoặc chuyên gia;

<sup>5</sup> Mục này thực hiện như sau:

- Nếu là thành viên Hội đồng/Tổ thẩm định/Tổ chuyên gia tư vấn độc lập không cần xác nhận phần này;

- Nếu là chủ nhiệm nhiệm vụ: Ký, xác nhận và đóng dấu của tổ chức chủ trì. Việc xác nhận cần ghi rõ ý kiến về lý lịch, đạo đức của cá nhân đó;

- Nếu là người nước ngoài, ngoài việc xác cá nhân đó cam kết bảo vệ bí mật nhà nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ còn phải cam kết có phương án bảo vệ bí mật nhà nước khi cá nhân này thực hiện nhiệm vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo vệ bí mật nhà nước của cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ<sup>1</sup>**

Tên nhiệm vụ:.....

Tổ chức chủ trì:.....

Chúng tôi gồm:

TT	Họ và tên	Quê quán	Đơn vị công tác hiện tại	Chức danh thực hiện nhiệm vụ	Số CMND /CCCD	Ký nhận
1						
2						
3						
4						
5						
....						

Chúng tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chúng tôi xin cam kết như sau:

1. Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước mà chúng tôi được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;

2. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

**Xác nhận**  
của Thủ trưởng tổ chức chủ trì thực  
hiện nhiệm vụ  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Chủ nhiệm nhiệm vụ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Mẫu này áp dụng cho tất cả cá nhân người Việt Nam tham gia thực hiện nhiệm vụ trừ chủ nhiệm nhiệm vụ, chuyên gia và cá nhân người nước ngoài tham gia thực hiện nhiệm vụ;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo vệ bí mật nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ**

Tên tổ chức:.....

Được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ:.....

Chúng tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chúng tôi xin cam kết như sau:

- Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước liên quan đến nhiệm vụ được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;
- Chỉ đạo và quản lý cán bộ, nhân viên thuộc quyền chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;
- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo vệ bí mật nhà nước của tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ**

Tên tổ chức:

Tham gia phối hợp với:<sup>1</sup> .....thực hiện nhiệm vụ:.....

Chúng tôi ý thức rằng việc giữ gìn bí mật nhà nước là để bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh độ Mật do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

Chúng tôi xin cam kết như sau:

- Tuyệt đối không để lộ, lọt những bí mật nhà nước liên quan đến nhiệm vụ được giao xử lý, bảo quản, lưu giữ;
- Chỉ đạo và quản lý cán bộ, nhân viên thuộc quyền chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;
- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Xác nhận của Thủ trưởng tổ chức chủ  
trì thực hiện nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Thủ trưởng tổ chức phối hợp  
thực hiện nhiệm vụ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ  
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....  
.....  
.....

2. Địa điểm và thời gian

....., ngày ...../...../20...

3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Họ và tên đại biểu

4. Tình trạng của các hồ sơ

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN: ..... hồ sơ.
- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ: .... / .... (tổng số hồ sơ đăng ký).
- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ		
		Nộp đúng hạn <sup>1</sup>	Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký <sup>2</sup>	Tổ chức có con dấu, tài khoản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

5. Tình trạng hồ sơ sau khi rà soát:

<sup>1</sup> Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;

<sup>2</sup> Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 5 của Quyết định.

Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp sau khi rà soát được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ				
		Có nhiệm vụ cấp tỉnh <sup>3</sup>				
		Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghiệm thu) <sup>4</sup>	Nợ thu hồi nhiệm vụ KH&CN <sup>5</sup>	Bị đình chỉ do sai phạm	Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu muộn	Không đăng ký, nộp lưu giữ kết quả thực hiện theo quy định
(1)	(2)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Kết luận: Như vậy, trong số .....hồ sơ đăng ký, có ..... hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
1		
2		

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào .....h.....phút, ngày ..../...../20....

**CÁC THÀNH VIÊN VÀ ĐẠI BIỂU  
THAM GIA MỞ HỒ SƠ**  
(Họ, tên và chữ ký)

<sup>3</sup> Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

<sup>4</sup> Nhiệm vụ cấp tỉnh gồm: đề tài, đề án, dự án SXTN.

<sup>5</sup> Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

<b>Chuyên gia/Ủy viên phản biện</b>	
<b>Ủy viên hội đồng</b>	

Họ và tên chuyên gia:

<b>1. Tên đề tài:</b>	
<b>2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:</b>	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

**3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:**

Nhóm tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
<b>3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 15, 16 tại Thuyết minh đề tài]</b>					
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i>					
<b>3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng [Mục 17, 18 tại Thuyết minh đề tài]</b>					
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					
<b>3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 22 tại Thuyết minh đề tài]</b>					
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đào tạo sau đại học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>					



<b>3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống [Mục 23,24,25 tại Thuyết minh đề tài]</b>	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan/tổ chức ứng dụng.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
<b>3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 18,19, 20, 21, 26, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán tại Thuyết minh đề tài]</b>	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
<b>3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]</b>	
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (năng lực và cơ sở trang thiết bị).	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
<b>Ý kiến đánh giá tổng hợp</b>	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	

**Ghi chú:** Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

### 3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

***Nhận xét, kiến nghị:***

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Ngày ..... tháng ..... năm 20....*  
*(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)*

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài/đề án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
<b>3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu</b> [Mục 14 và 15 tại Thuyết minh đề tài/đề án]					
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i>					
<b>3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu</b> [Mục 16, 17 tại Thuyết minh đề tài/đề án]					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					
<b>3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu</b> [Mục 18 tại Thuyết minh đề tài/đề án]					
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>					

<b>3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện</b> [Mục 19, 20, 21, 22, 25, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán tại Thuyết minh đề tài/đề án] - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án thiết bị	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài/đề án và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
<b>3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu</b> [Mục 23, 24 tại Thuyết minh đề tài/đề án]	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan (tổ chức) ứng dụng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
<b>3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia</b> [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]	
- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
<b>Ý kiến đánh giá tổng hợp</b>	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	

**Ghi chú:** Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài:**

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

**Nhận xét, kiến nghị:**

.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

*Ngày ..... tháng ..... năm 20....*  
*(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)*

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ  
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

<b>1. Tên dự án:</b>	
<b>2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:</b>	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

**3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:**

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
<b>3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, 13 tại Thuyết minh Dự án]</b>					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i>					
<b>3.2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8 tại Thuyết minh Dự án]</b>					
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i>					
<b>3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [Mục 13, 18 tại Thuyết minh Dự án]</b>					
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i>					

<b>3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án</b> <i>[Mục 13.3, 13.5, 19 và phụ lục 9]</i>	
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i>	
<b>3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ</b> <i>[Mục 18]</i>	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i>	
<b>3.6. Phương án tài chính</b> <i>[Mục 13.4, 16.4, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn tại Thuyết minh Dự án]</i>	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i>	
<b>3.7. Năng lực thực hiện</b> <i>[Mục 11, 13.4, 16 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia tại Thuyết minh Dự án]</i>	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:</i>	
<b>Ý kiến đánh giá tổng hợp</b>	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

### 3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

***Nhận xét, kiến nghị:***

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Ngày ..... tháng ..... năm 20....*

*(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)*



UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
 HỘI ĐỒNG TƯ VẤN  
 TUYÊN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
 TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
 NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ  
 ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

<b>1. Tên đề tài:</b>	
<b>2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:</b>	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

**3.Đánh giá**

Nhóm tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
<b>3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 15, 16]</b>									
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			12
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước(mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
<b>3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng [Mục 17, 18]</b>									
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			24
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
<b>3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ[Mục 22]</b>									
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng(định lượng và định tính)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			16
- Khả thi về đào tạo sau đại học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			

<b>3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống [Mục 23, 24, 25]</b>					
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			16
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng (tên, địa chỉ).	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
<b>3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 18, 19, 20, 21, 26, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]</b>					
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
<b>3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]</b>					
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (năng lực và cơ sở trang thiết bị).	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
<b>Ý kiến đánh giá tổng hợp</b>					<b>100</b>

**Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:**

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều 11 của Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước)

**3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài**

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

**Nhận xét, kiến nghị:** .....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20...  
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)



- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2				
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài/đề án và tổng mức kinh phí.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3				20
<b>3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu [Mục 23, 24]</b>						
- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2				
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2				24
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan tổ chức/ứng dụng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2				
<b>3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]</b>						
- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2				20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3				
<b>Ý kiến đánh giá tổng hợp</b>						<b>100</b>

**Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:**

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm khoản Điều của Quyết định số xx/2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước)

**3.7. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài/đề án**

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài/đề án.

**Nhận xét, kiến nghị:**

---



---



---

---

---

---

---

---

---

---

*Ngày ..... tháng ..... năm 20...*  
*(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)*

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN  
TUYÊN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ  
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

<b>1. Tên dự án:</b>	
<b>2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì</b>	
<b>Tên tổ chức:</b>	
<b>Họ và tên cá nhân:</b>	

**3.Đánh giá**

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
<b>3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án</b> [Mục 12, 13 tại Thuyết minh]									
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			8
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
<b>3.2. Nội dung và phương án triển khai</b> [Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8 tại Thuyết minh]									
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			20
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
<b>3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ</b> [Mục 13, 18 tại thuyết minh]									
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			12
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

<b>3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án [Mục 13.3, 13.5, 19 và phụ lục 9 tại Thuyết minh]</b>					
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			12
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
<b>3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 18 tại Thuyết minh]</b>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	4			16
<b>3.6. Phương án tài chính [Mục 13.4, 16.4, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn tại Thuyết minh]</b>					16
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>		2		
<b>3.7. Năng lực thực hiện [Mục 11, 13.4, 16 và hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]</b>					16
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
<b>Ý kiến đánh giá tổng hợp</b>					<b>100</b>

**Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:**

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều 11 của Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước)

**3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án:**

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

**Nhận xét, kiến nghị:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Ngày ..... tháng ..... năm 20...*  
*(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)*



UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

<b>Tên nhiệm vụ:</b>	
<b>Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:</b>	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

<b>1. Số phiếu phát ra:</b> <input type="checkbox"/>	<b>2. Số phiếu thu về:</b> <input type="checkbox"/>
<b>3. Số phiếu hợp lệ:</b> <input type="checkbox"/>	<b>4. Số phiếu không hợp lệ:</b> <input type="checkbox"/>

TT	Ủy viên	Nhóm tiêu chí đánh giá							Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7 <sup>1</sup>	
1	Ủy viên thứ nhất								
2	Ủy viên thứ hai								
3	Ủy viên thứ ba								
4	.....								
5									
6									
7									
8									
9									
	<b>Tổng số điểm trung bình</b>								

<sup>1</sup> Tiêu chí này dành cho dự án sản xuất thử nghiệm

TT	Ủy viên	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	
		Phù hợp	Không phù hợp
1	Chủ tịch		
2	Phó Chủ tịch		
3	Ủy viên phân biện 1		
4	Ủy viên phân biện 2		
5	Ủy viên		
6	.....		
7			
8			
9			
....	.....		

**Các thành viên ban kiểm phiếu**

**Thành viên thứ 1**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Thành viên thứ 2**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Trưởng ban kiểm phiếu**

*(Họ, tên và chữ ký)*

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
 HỘI ĐỒNG TƯ VẤN  
 TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
 TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
 NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
 HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
 TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Tên nhiệm vụ:

.....  
 .....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ
1			Số....phù hợp/.....Không phù hợp <sup>1</sup> (trong đó có .... ủy viên phản biện đánh giá phù hợp)
2			
...	.....	.....	

**Các thành viên ban kiểm phiếu**  
**Thành viên thứ 1**                      **Thành viên thứ 2**  
 (Họ, tên và chữ ký)                      (Họ, tên và chữ ký)

**Trưởng ban kiểm phiếu**  
 (Họ, tên và chữ ký)

<sup>1</sup> Số ủy viên hội đồng đánh giá phù hợp/Số ủy viên đánh giá không phù hợp.

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG  
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

**A. Thông tin chung**

**1. Tên nhiệm vụ KH&CN:**

.....  
.....  
.....

**2. Quyết định thành lập Hội đồng**

Số...../QĐ-SKH&CN... ngày ..../...../20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

**3. Địa điểm và thời gian**

....., ngày ..../...../20...

**4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên ..../.....người. Vắng mặt ..../.....người, gồm các thành viên:**

.....  
.....

**5. Đại biểu tham dự họp hội đồng:**

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

**6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà ..... là thư ký khoa học**

của hội đồng.

**B. Nội dung làm việc của hội đồng (ghi chép của thư ký khoa học):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*(chỉ tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự trong tài liệu kèm theo)*

**C. Bỏ phiếu đánh giá**

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Hai thành viên: .....
- .....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và quy định tại Điểm a Khoản 8 Điều 11 của Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

Tên tổ chức: .....

Họ và tên cá nhân: .....

**D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng**

1. Phương thức khoán chi:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

1.2 Khoán chi từng phần

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm

của nhiệm vụ.

**3. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:**

.....  
.....  
.....  
.....

**4. Các kiến nghị khác (nếu có):**

.....  
.....

Hội đồng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét và quyết định.

**THƯ KÝ KHOA HỌC**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
*(Họ, tên và chữ ký)*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ỦY QUYỀN**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ..... ngày ... tháng .. năm 20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ .....

....., ngày ..... tháng ..... năm ....., chúng tôi gồm có:

**I. Bên ủy quyền:**

1. Họ và tên: ..... Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Địa chỉ:.....
6. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp :.....  
Ngày cấp :.....

**II. Bên được ủy quyền:**

1. Họ và tên: ..... Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Địa chỉ:.....
6. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu :..... Nơi cấp :.....  
Ngày cấp :.....

**III. Nội dung ủy quyền:**

Ủy quyền cho Ông/Bà:..... là Phó chủ tịch Hội đồng KH&CN chủ trì phiên họp Hội đồng KH&CN để tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

.....  
.....  
.....

**IV. Cam kết:** Tôi cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên./.

**Bên ủy quyền**  
(Chữ ký, họ tên)

**Bên nhận ủy quyền**  
(Chữ ký, họ tên)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Quyết định số .... /QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 20... về việc phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với đề tài: “.....”.

Căn cứ Quyết định số .... /QĐ-SKHCHN ngày ..... tháng ..... năm 20... về việc thành lập Hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ ngày ..... tháng ..... năm 20...;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, khách mời tham dự và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác<sup>1</sup> (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến của Hội đồng và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...	....		

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

**Ý kiến xác nhận của đại diện Hội đồng**  
**Ủy viên phản biện 1**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ủy viên phản biện 2**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch Hội đồng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng và đại biểu thì giải trình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN**

**Ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ**

Thực hiện Quyết định số ...../QĐ-SKHCN ngày ...../...../20... của Sở Khoa học và Công nghệ ngày .../.../20..., Tổ chuyên gia đã tiến hành thanh tra thực tế tại Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ<sup>1</sup>.

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Tại<sup>2</sup>: .....

- Tổ chuyên gia gồm:

1. Đại diện lãnh đạo đơn vị quản lý chuyên môn:.....;
2. Đại diện đơn vị quản lý về kế hoạch, tài chính: .....
3. Đại diện đơn vị quản lý kinh phí:.....;
4. Đại diện Hội đồng tư vấn:.....;
5. Đại diện Ban chủ nhiệm (nếu có).....;
6. Đại diện đơn vị quản lý chuyên môn, thư ký tổ chuyên gia:.....;

- Đã làm việc với Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ là đối tượng được kiểm tra và đại diện Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp gồm:

1. ....;
2. ....;

- Đại diện cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: (nếu có)

.....;

.....;

Để thông qua Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có) như sau:

<sup>1</sup> Ghi rõ tên tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ

<sup>2</sup> Ghi rõ địa chỉ

**I. Kết quả kiểm tra**

(Ghi đánh giá, ghi nhận kết quả chi tiết theo từng hạng mục của hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp)

.....

**II. Nhận xét**

.....

**III. Kiến nghị**

.....

**IV. Ý kiến của Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ**

.....

Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính kết thúc hồi.....giờ.....cùng ngày, được lập thành ..... bản có giá trị như nhau (mỗi bên liên quan giữ một bản) và đã được đọc cho mọi người có tên trên cùng nghe, công nhận đúng và đại diện các bên ký tên dưới đây.

**Thư ký Tổ chuyên gia**

(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

**Tổ trưởng Tổ chuyên gia**

(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

**Ý kiến xác nhận của đại diện**

**Đại diện đơn vị quản lý về kế hoạch,  
tài chính**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đại diện đơn vị quản lý kinh phí**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đại diện Hội đồng tư vấn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CNCẤP TỈNH**

Thực hiện Quyết định số ...../QĐ-SKH-CN ngày ...../...../20... của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thành lập hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20...., Tôi có một số câu hỏi đối với nhiệm vụ như sau:

**Câu hỏi 1:**.....

.....

**Câu hỏi 2:**.....

.....

**Câu hỏi n:**.....

.....

**Thành viên Hội đồng tư vấn**  
(Họ tên, chức danh trong Hội đồng, chữ ký)

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập Tự do- Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ  
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP TỈNH**

**A. Thông tin chung**

1. Tên đề tài/đề án:

.....  
.....

Mã số .....(nếu có)

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia:   
- Dự án KH&CN:   
- Độc lập   
- Khác:

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên: ...../.....

Vắng mặt: người; Họ và tên: .....

6. Đại biểu tham dự:

.....  
.....  
.....

**B. Kết luận của Tổ thẩm định****1. Về dự toán kinh phí:**

.....  
 .....  
 .....

**2. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ:**

.....

**3. Về tổng kinh phí cần thiết: ..... triệu đồng**

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng

- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng

**4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:**

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí khoán chi theo quy định		
1	Thù lao thực hiện nhiệm vụ					
2	Kinh phí thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
3	Nguyên vật liệu, năng lượng					
4	Thiết bị, máy móc					
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
6	Chi khác: <i>Trong đó: chi đoàn ra</i>					
	<b>Tổng cộng</b>					

**C. Kiến nghị:****1. Phương thức thực hiện:**

Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia: .....).

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: ..... triệu đồng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia: .....);

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: ..... triệu đồng.

**2. Các kiến nghị khác (nếu có):**

.....  
.....  
.....

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngày .....tháng.....năm..... và đã được Tổ  
thẩm định nhất trí thông qua.

**Tổ trưởng**

**Tổ phó**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**





**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ  
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

**A. Thông tin chung**

1. Tên dự án SXTN: .....

Mã số .....(nếu có)

- Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia:   
- Độc lập:   
- Dự án KH&CN:   
- Khác:

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm dự án SXTN:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên: ...../.....

Vắng mặt: người; Họ và tên: .....

6. Đại biểu tham dự:

.....  
.....  
.....

**B. Kết luận của Tổ thẩm định**

1. Năng lực tài chính của tổ chức chủ trì:

1.1. Nợ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&amp;CN cấp tỉnh:

Có: Không: 1.2. Đủ năng lực tài chính để đối ứng thực hiện: 1.3. Không đủ năng lực tài chính để đối ứng thực hiện: 

2. Nhận xét về dự toán kinh phí:

2.1. Ý kiến nhận xét của các thành viên Tổ thẩm định (*ghi chi tiết ý kiến từng thành viên*):

.....

.....

.....

2.2. Về tổng kinh phí cần thiết: ..... triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng

- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng

2.3. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ

2.4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí khoán chi theo quy định		
1	Thiết bị, máy móc					
2	Nhà xưởng					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
a	<i>Thu lao thực hiện nhiệm vụ</i>					
b	<i>Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài</i>					
4	Chi phí đào tạo công nghệ					
5	Chi phí lao động					
6	Nguyên vật liệu, năng lượng					
7	Chi khác					
	<b>Tổng cộng</b>					

**C. Kiến nghị:**

1. Phương thức khoán:

Khoán đến sản phẩm cuối cùng (*trong đó kinh phí thuê chuyên gia: .....*).

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: ..... triệu đồng (*trong đó kinh phí thuê chuyên gia: .....*);

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: .....triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....  
.....  
.....  
.....

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngày .....tháng.....năm..... và đã được Tổ  
thẩm định nhất trí thông qua.

**Tổ trưởng**

**Tổ phó**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**



**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN THEO Ý KIẾN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH**  
(Kèm theo Biên bản họp Tổ thẩm định)

Đơn vị: triệu đồng

Số T T	Nội dung các khoản chi	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ					
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài					
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5	Chi khác					
	<b>Tổng cộng</b>					

(\*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...

## CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1a. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số công quy đổi	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài						
2	Thành viên chính						
3	Thư ký khoa học						
4	Thành viên						
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ						
6	Lao động phổ thông hỗ trợ thực hiện các nội dung nghiên cứu						
<b>Cộng:</b>							

## DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THEO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung công việc <sup>1</sup>	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	1.1. Công việc 1:				
	1.2. Công việc 2:				
	.....				
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>				
	2.1. Công việc 1:				
	2.2. Công việc 2:				
	2.3. Công việc 3				
	.....				
....	.....				
<b>7</b>	<b>Nội dung n</b>				
	n.1. Công việc 1:				
	n.2. Công việc 2:				
	n.3. Công việc 3				
	.....				
	<b>Cộng:</b>				

1. Theo nội dung của Dự toán đưa ra thẩm định. Các đầu mục công việc được dự toán dưới 1 cấp.







4	Nước	m <sup>3</sup>							
<b>I.2</b>	<b>Công việc 2</b>								
1	Nguyên, vật liệu								
1.1	...								
...	...								
4	Nước	m <sup>3</sup>							
<b>II</b>	<b>Nội dung 2</b>								
<b>II.1</b>	<b>Công việc 1</b>								
1	Nguyên, vật liệu								
1.1	...								
...	...								
4	Nước	m <sup>3</sup>							
...	...								
<b>Cộng</b>									

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài <sup>5</sup>						
	.....						
	.....						
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến						
	.....						
III	Khấu hao thiết bị <sup>6</sup>						
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)						
	.....						
IV	Thiết bị công nghệ mua mới						
	.....						
V	Vận chuyển lắp đặt						
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa						
<b>Cộng</b>							

<sup>5</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

<sup>6</sup> Chỉ khai mục này khi tổ chức chủ trì là doanh nghiệp.

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN				
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN				
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước				
4	Chi phí khác				
	<b>Cộng:</b>				

**Khoản 5. Chi khác***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí		
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	<i>Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu</i>					
2	<i>Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)</i>					
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)					
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)					
3	<i>Kinh phí quản lý (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 200 triệu đồng)</i>					
4	<i>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ</i>					
5	<i>Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu</i>					
5.1	Nội dung 1					
5.2	Nội dung 2					
	.....					
6	<i>Chi khác</i>					
	- Hội thảo					
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc					
	Dịch tài liệu ( <i>định mức chi theo quy định hiện hành</i> )					
	Khác					
	<b>Cộng:</b>					

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN THEO Ý KIẾN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH**  
(Kèm theo Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê					
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
a	Chi phí công lao động trực tiếp					
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
4	Chi phí đào tạo công nghệ					
5	Chi phí lao động					
6	Nguyên vật liệu, năng lượng					
7	Chi khác					
	<b>Tổng cộng</b>					

(\*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG**  
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
					Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
					Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Nguyên, vật liệu chủ yếu								
2	Nguyên, vật liệu phụ								
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng								
4	Điện :	<i>kW/h</i>							
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW								
5	Nước:	<i>m<sup>3</sup></i>							

6	Xăng dầu:	lít							
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn								
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn								
<b>Cộng:</b>									

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.



## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Thiết bị công nghệ</b>				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
	.....				
	.....				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
	.....				
	.....				
<b>II</b>	<b>Thiết bị thử nghiệm, đo lường</b>				
1	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án				
	.....				
	.....				
2	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến				
	.....				
<b>III</b>	<b>Khấu hao thiết bị</b>				
<b>Cộng:</b>					

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## B. Thiết bị bổ sung mới, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
					Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Mua thiết bị công nghệ .....							
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường .....							
3	Mua bằng sáng chế, bản quyền							
4	Mua phần mềm máy tính							
5	Vận chuyển lắp đặt							
6	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chi ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động)							
7	Bảo dưỡng, sửa chữa							
<b>Cộng:</b>								

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ****A. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ***Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số tháng quy đổi	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án						
2	Thành viên chính						
3	Thư ký khoa học						
4	Thành viên						
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ						
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các nội dung nghiên cứu						
<b>Cộng:</b>							

## CHI TIẾT THÙ LAO THEO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc <sup>1</sup>	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	1.1. Công việc 1:				
	1.2. Công việc 2:				
	1.3. Công việc 3				
	.....				
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>				
	2.1. Công việc 1:				
	2.2. Công việc 2:				
	2.3. Công việc 3				
	.....				
....	.....				
.					
<b>7</b>	<b>Nội dung n</b>				
	n.1. Công việc 1:				
	n.2. Công việc 2:				
	n.3. Công việc 3				
	.....				
	<b>Cộng:</b>				

1. Theo nội dung của Dự toán đưa ra thẩm định. Các đầu mục công việc được dự toán dưới 1 cấp.



**CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung đào tạo	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Cán bộ công nghệ				
2	Công nhân vận hành				
3	.....				
	<b>Cộng</b>				

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG****A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
<b>Cộng A:</b>					

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Xây dựng nhà xưởng mới				
2	Chi phí sửa chữa cải tạo				
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện				
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước				
5	Chi phí khác				
	<b>Cộng B:</b>				

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG***(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)**Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số tháng quy đổi	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định		Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài						
2	Thành viên chính						
3	Thư ký khoa học						
4	Thành viên						
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ						
6	Lao động phổ thông hỗ trợ các nội dung nghiên cứu						
<b>Cộng:</b>							



## CHI KHÁC

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí theo ý kiến của Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
2	Hợp tác quốc tế (định mức chi theo quy định hiện hành)					
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)					
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)					
3	Kinh phí quản lý (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 300 triệu đồng)					
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ					
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu					
5.1	Nội dung 1					
5.2	Nội dung 2					
	.....					
6	Chi khác					
	- Hội thảo					
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc					
	Dịch tài liệu (định mức chi theo quy định hiện hành)					
	Khác					
	<b>Cộng:</b>					

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số xx/QĐ-UBND ngày tháng năm 20... về việc phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với nhiệm vụ: ".....".

Căn cứ Quyết định số xx/..... ngày tháng năm 20... về việc thành lập Hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ;

Căn cứ Quyết định số xx/QĐ-SKH&CN ngày tháng năm 20... về việc thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí ngày tháng năm 20...;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí và khách mời tham dự như sau:

TT	Ý kiến của Tổ Thẩm định và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...	....		

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

**Ý KIẾN XÁC NHẬN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH**

**Đại diện Hội đồng tư vấn  
tham gia Tổ thẩm định**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chủ trì phiên họp Tổ thẩm định**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 20...

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức  
khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh<sup>1</sup>...  
bắt đầu thực hiện từ năm 20....

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày  
22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm  
2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán  
chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh  
Khánh Hòa về việc Ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân  
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên  
địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /20... về việc phê duyệt danh mục  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ năm 20...;

Xét kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá  
nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thành lập tại Quyết định số  
...../QĐ-SKH-CN ngày tháng năm 20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công  
nghệ và kết quả làm việc của Tổ thẩm định kinh phí được thành lập tại Quyết định số  
...../QĐ-SKH-CN ngày tháng năm 20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công  
nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số...../TTr-  
SKH-CN ngày...../ /20...

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức  
khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ<sup>2</sup>....., bắt đầu thực hiện  
từ năm.....: “Tên nhiệm vụ”:

<sup>1</sup> Ghi loại hình nhiệm vụ: thuộc KC, độc lập,...

<sup>2</sup> Ghi loại hình nhiệm vụ: thuộc KC, độc lập,...

- Mã số nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
- Chủ nhiệm:
- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: ..... triệu đồng (*Bằng chữ: ...*). Trong đó:
  - + Ngân sách nhà nước: .....triệu đồng (*Bằng chữ: .....*);
  - + Nguồn ngân sách khác:..... triệu đồng (*Bằng chữ: .....*);
- Phương thức khoán chi<sup>3</sup>: Khoán từng phần, trong đó:
  - + Kinh phí khoán:..... triệu đồng (*Bằng chữ: .....*);
  - + Kinh phí không khoán:..... triệu đồng (*Bằng chữ: .....*);
- Thời gian thực hiện: .....tháng (kể từ ngày ký hợp đồng). Trong đó:
  - + Thời gian triển khai nghiên cứu:..... tháng;
  - + Thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu:.... tháng.

**Điều 2.** Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp cùng Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ nêu tại Điều 1 hoàn tất thủ tục để ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
(*Ký tên và đóng dấu*)

<sup>3</sup> Trong trường hợp khoán toàn phần, không phải chi tiết phần kinh phí khoán và không khoán